

ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ TU MƠ RÔNG

Số: 634 /QĐ-UBND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Tu Mơ Rông, ngày 20 tháng 10 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Về việc điều chỉnh giảm đơn giá cho thuê nhà đối với các cơ sở nhà, đất giao
Trung tâm Cung ứng Dịch vụ công xã quản lý, khai thác (lần 5)

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ TU MƠ RÔNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản công số 15/2017/QH14 được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật: số 64/2020/QH14; số 56/2024/QH15; số 90/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 108/2024/NĐ-CP ngày 23/8/2024 của Chính phủ quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác nhà, đất là tài sản công không sử dụng vào mục đích để ở giao cho tổ chức có chức năng quản lý, kinh doanh nhà địa phương quản lý, khai thác;

Căn cứ Nghị định số 286/2025/NĐ-CP ngày 03/11/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực quản lý, sử dụng tài sản công;

Căn cứ Nghị quyết số 31/2026/NQ-CP ngày 24 tháng 6 năm 2026 của Chính phủ về các cơ chế, chính sách đặc thù nhằm đẩy nhanh tiến độ xử lý, khai thác nhà, đất dôi dư sau khi sắp xếp, tinh gọn tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị, sắp xếp đơn vị hành chính;

Căn cứ Quyết định số 330/QĐ(CT)-UBND ngày 06 tháng 5 năm 2026 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Tu Mơ Rông về việc giao nhà, đất cho Trung tâm Cung ứng Dịch vụ công xã Tu Mơ Rông quản lý, khai thác;

Căn cứ Quyết định số 428/QĐ-UBND ngày 24 tháng 7 năm 2026 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Tu Mơ Rông về việc phê duyệt đơn giá cho thuê nhà đối với các cơ sở nhà đất giao cho Trung tâm Cung ứng Dịch vụ công xã Tu Mơ Rông quản lý và khai thác;

Căn cứ Quyết định số 620/QĐ-UBND ngày 07 tháng 10 năm 2026 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã về việc điều chỉnh giảm đơn giá cho thuê nhà đối với các cơ sở nhà, đất giao Trung tâm Cung ứng Dịch vụ công xã quản lý, khai thác (lần 4);

Xét tờ trình số 108/TTr-TTCUDVC, ngày 19/10/2026 của Trung tâm cung ứng dịch vụ công và đề nghị tại công văn số 571/P.TCCT, ngày 19 tháng 10 năm 2026 của Phòng Tài chính - Công thương xã,

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Điều chỉnh giảm 5% đơn giá cho thuê nhà đối với các cơ sở nhà, đất giao Trung tâm Cung ứng Dịch vụ công xã quản lý, khai thác tại Quyết định số 620/QĐ-UBND ngày 07 tháng 10 năm 2026 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Tu Mơ Rông, cụ thể như sau:

(Có phụ biểu đơn giá cho thuê nhà sau điều chỉnh kèm theo)

Lý do điều chỉnh: Sau khi công khai giảm giá cho thuê (lần 4) nhưng không có tổ chức, cá nhân đăng ký thuê, nên tiếp tục thực hiện giảm 5% đơn giá thuê và công khai cho thuê theo quy định.

Điều 2. Giao Trung tâm Cung ứng dịch vụ công xã Tu Mơ Rông thực hiện thông báo lại việc cho thuê nhà theo quy định tại Điều 7 Nghị quyết số 31/2026/NQ-CP ngày 24 tháng 6 năm 2026 của Chính phủ; cập nhật giá niêm yết, giá sàn và tiền đặt trước theo đơn giá sau điều chỉnh; tiếp tục tổ chức xác định người được quyền thuê nhà theo đúng quy định.

Điều 3. Các nội dung khác của Quyết định số 428/QĐ-UBND ngày 24/7/2026 của Chủ tịch UBND xã Tu Mơ Rông không được điều chỉnh tại Quyết định này tiếp tục có hiệu lực thi hành.

Điều 4. Chánh Văn phòng HĐND và UBND xã; Trưởng phòng Tài chính - Công thương xã; Giám đốc Trung tâm Cung ứng dịch vụ công xã Tu Mơ Rông và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Thường trực Đảng ủy xã (b/c);
- Chủ tịch, các PCT UBND xã;
- Trang TTĐT xã;
- Các phòng, đơn vị thuộc xã;
- Lưu: VT, KT.



KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Dương Đăng Khoa

PHỤ LỤC ĐƠN GIÁ CHO THUÊ NHÀ SAU ĐIỀU CHỈNH (lần 5)

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND, ngày tháng 10 năm 2026 của Chủ tịch UBND xã Tu Mơ Rông)

TT	Cơ sở nhà, đất	Diện tích đất (m ²)	Diện tích sàn sử dụng nhà (m ²)	Đơn giá cũ (*) (đồng/năm)	Mức giảm 5% (đồng/năm)	Đơn giá sau điều chỉnh (đồng/năm)	Đơn giá sau điều chỉnh (đồng/tháng)
1	Ban chỉ huy quân sự xã (Khối Mặt trận và các ban ngành đoàn thể cũ) (Thôn Mô Pả)	3.724	1.063	137.164.618	6.858.231	130.306.387	10.858.866
2	Phòng thống kê huyện cũ (Thôn Mô Pả)	1.000	204	42.365.679	2.118.284	40.247.395	3.353.950
3	Viện kiểm sát nhân dân (Thôn Mô Pả)	1.385	672	76.764.065	3.838.203	72.925.862	6.077.155
4	Thị hành án dân sự (Thôn Mô Pả)	1.267	290	66.398.110	3.319.905	63.078.204	5.256.517
5	Phòng Dân tộc cũ (Thôn Mô Pả)	1.200	465	58.851.716	2.942.586	55.909.130	4.659.094
6	Phòng Nông nghiệp & Môi trường cũ (Thôn Mô Pả)	2.099	496	86.604.320	4.330.216	82.274.104	6.856.175
7	Chi cục Thuế huyện Tu Mơ Rông (Thôn Mô Pả)	1.691	2.079	110.020.228	5.501.011	104.519.217	8.709.935

(*) Đơn giá cũ lần 04 tại Quyết định 620/QĐ-UBND ngày 07 tháng 10 năm 2026.